

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG  
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



# ***TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN***

**Học phần: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN**

**ĐỀ TÀI: SỨC LAO ĐỘNG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI  
DỊCH COVID 19 ĐẾN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG  
VIỆT NAM**

**Giảng viên hướng dẫn : Phạm Thanh Hiền**

**Sinh viên thực hiện : Dương Thị Song Trà**

**Lớp : K23ATCC**

**Mã sinh viên : 23A7510137**

**Hà nội, ngày 7 tháng 6 năm 2021**

## MỤC LỤC

	Trang
LỜI MỞ ĐẦU .....	3
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	3
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	4
4. Cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài .....	4
5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài .....	4
NỘI DUNG .....	5
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ VẤN ĐỀ SỨC LAO ĐỘNG .....	5
1.1. Khái niệm sức lao động, điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa	5
1.2. Giá trị và giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động .....	6
1.3. Thị trường sức lao động .....	8
CHƯƠNG 2: TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM .....	10
2.1 Tình hình lao động và việc làm trước dịch bệnh Covid-19 .....	10
2.2 Ảnh hưởng, tác động của Covid-19 đến lao động và việc làm .....	12
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM SAU KHỦNG HOẢNG ĐẠI DỊCH COVID-19 .....	15
KẾT LUẬN .....	18
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam đang bước trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế, hiện đại hóa nền sản xuất và từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Trong bối cảnh đó, nhiều thị trường đã hình thành và có những biến chuyển tích cực như: thị trường hàng tiêu dùng, hàng xuất nhập khẩu, hàng nông lâm thủy sản, v.v. Nhưng một trong những thị trường có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng đó chính là thị trường sức lao động. Sức lao động là điều kiện tiên quyết của mọi quá trình sản xuất. Lý luận về sức lao động, Chủ nghĩa Mác-Lênin đã có những luận điểm khoa học, toàn diện và biện chứng. Trên cơ sở đó, tạo tiền đề vững chắc cho việc lý giải và áp dụng vào thực tiễn xã hội những giải pháp nhằm ổn định và phát triển thị trường của loại hàng hoá đặc biệt này cùng những vấn đề liên quan đến nó. Ở Việt Nam trong bối cảnh đổi mới kinh tế dưới sự lãnh đạo của Đảng, vấn đề thị trường hàng hoá sức lao động không chỉ mang ý nghĩa kinh tế mà còn mang ý nghĩa chính trị. Đặc biệt, đối với một đất nước đang trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và tiến tới hội nhập kinh tế quốc tế thì vấn đề này lại càng trở nên bức thiết hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, thị trường lao động Việt Nam vẫn đang phát triển khá chậm chạp và vẫn tồn tại những mặt trái gây ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển nói chung của nền kinh tế đất nước. Vì vậy, việc hoàn thiện thị trường sức lao động là một vấn đề quan trọng, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 hiện nay. Để giải quyết được vấn đề này, chúng ta phải hiểu về “*Sức lao động*” và tình hình của thị trường lao động nước ta hiện nay trong thời kì dịch bệnh Covid-19. Đây chính là lý do em lựa chọn vấn đề này là đề tài cho bài tiểu luận kết thúc học phần kinh tế chính trị Mác-Lênin của mình.

### 2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu: đề tài nghiên cứu về vấn đề sức lao động và tác động của đại dịch Covid-19 đến thị trường lao động Việt Nam.

Nhiệm vụ nghiên cứu: nghiên cứu quan điểm lý luận về hàng hóa sức lao động, tác động của đại dịch Covid-19 đến thị trường lao động Việt Nam và đưa ra giải pháp để phát triển thị trường lao động ở Việt Nam sau khủng hoảng Covid-19.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: hàng hoá sức lao động của C.Mác, thị trường hàng hóa sức lao động ở Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu: quan điểm của C.Mác về lý luận hàng hoá sức lao động, thị trường hàng hóa sức lao động ở Việt Nam.

### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Cơ sở lý luận: chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Phương pháp nghiên cứu: sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, khái quát hóa và hệ thống hoá và kết luận.

### **5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

Ý nghĩa lý luận: mở rộng kiến thức về vấn đề sức lao động, góp phần lý giải một số vấn đề quan hệ giữa lý luận và thực tiễn đang đặt ra trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Ý nghĩa thực tiễn: hiểu tình hình thị trường lao động ở Việt Nam trong thời kỳ Covid-19, từ đó liên hệ bản thân và đưa ra giải pháp để cải thiện vấn đề.

## NỘI DUNG

### CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ VẤN ĐỀ SỨC LAO ĐỘNG

#### 1.1 Khái niệm sức lao động, điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa

##### 1.1.1 Sức lao động

C.Mác cho rằng: “*Sức lao động hay năng lực lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong cơ thể, trong một con người đang sống, và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó*”. Trên giác độ kinh tế và quản trị nguồn nhân lực, sức lao động là phạm trù chỉ khả năng lao động của con người, là tổng hợp thể lực, trí lực và tâm lực được con người vận dụng trong quá trình lao động.

Hàng hóa sức lao động là một loại hàng hóa đặc biệt mang những thuộc tính riêng và gắn liền với sự tồn tại và phát triển của nền kinh tế. Trong bất cứ xã hội nào, sức lao động cũng là điều kiện cơ bản của sản xuất. nhưng sức lao động không phải bao giờ cũng là hàng hóa, nó chỉ biến thành hàng hóa trong những điều kiện lịch sử nhất định.

##### 1.1.2 Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa

*Một*, người lao động được tự do về thân thể, có khả năng chi phối sức lao động của mình và có quyền bán sức lao động của mình như một hàng hóa ra thị trường. Muốn vậy, người lao động phải có quyền sở hữu lực của mình. Việc biến sức lao động thành hàng hoá đòi hỏi phải thủ tiêu chế độ chiếm hữu nô và chế độ phong kiến.

*Hai*, người lao động không có đủ các tư liệu sản xuất cần thiết để tự kết hợp với sức lao động của mình tạo ra hàng hóa để bán, cho nên họ phải bán sức lao động.

Khi thỏa mãn đủ hai điều kiện trên, sức lao động trở thành hàng hóa trên thị trường. Và để đảm bảo sức lao động là hàng hoá, người lao động chỉ bán sức lao động của mình trong một thời gian nhất định. Thời gian đó được người mua và

người bán hàng hoá sức lao động thoả thuận trên thị trường và được thể hiện trên hợp đồng để nhằm đảm bảo tính pháp lý của nó.

Xét trên thực tế thì hàng hóa sức lao động đã có mặt từ trước thời điểm xã hội tư bản chủ nghĩa, nhưng không phổ biến và được sử dụng trong việc phục vụ nhà nước và quốc phòng. Chỉ đến lúc tư bản chủ nghĩa đã được hình thành thì chúng mới được khẳng định và trở nên phổ biến. Cũng tại thời điểm này thì sự bóc lột lao động cũng không còn mà thay vào đó chính là sự thoả thuận theo dạng “*thuận mua - vừa bán*” - đánh dấu một bước ngoặt cực văn minh ra đời. Sức lao động biến thành hàng hoá là điều kiện chủ yếu quyết định sự chuyên hoá tiền thành tư bản.

## **1.2. Giá trị và giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động**

Khi sức lao động trở thành hàng hóa, nó cũng có hai thuộc tính như hàng hóa thông thường. Đó là thuộc tính giá trị và thuộc tính giá trị sử dụng.

### **1.2.1 Giá trị hàng hóa sức lao động**

Giá trị của hàng hóa sức lao động do thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động quyết định.

Xét về cấu thành, do hàng hóa sức lao động tồn tại trong con người đang sống, nên để sống và tái sản xuất sức lao động, người lao động phải tiêu dùng lượng tư liệu sản xuất nhất định (ví dụ như: lương thực, thực phẩm, quần áo, điện, nước, v.v.).

Do vậy, thời gian lao động xã hội cần thiết để tái sản xuất ra sức lao động sẽ được quy thành thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt mà người lao động tiêu dùng. Hay nói một cách khác, giá trị của hàng hóa sức lao động được đo lường gián tiếp thông qua lượng giá trị của các tư liệu sinh hoạt để duy trì cuộc sống của người có sức lao động ở trạng thái bình thường. Cho nên, cấu thành giá trị của hàng hóa sức lao động sẽ bao gồm:

*Một là*, giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết (cả vật chất, tinh thần) để tái sản xuất ra sức lao động.

*Hai là, phí tổn đào tạo người lao động.*

*Ba là, giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết (vật chất và tinh thần) nuôi con của người lao động.*

Nếu đúng theo nguyên tắc ngang giá trong nền kinh tế thị trường thì giá cả của hàng hóa sức lao động phải phản ánh lượng giá trị nêu trên.

### **1.2.2 Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động**

Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động là để thỏa mãn nhu cầu của người mua, thể hiện ở quá trình tiêu dùng (sử dụng) sức lao động, tức là quá trình lao động để sản xuất ra một hàng hóa, một dịch vụ nào đó. Ví dụ như: lao động xây nhà, lao động gặt lúa, lao động văn phòng, làm phần mềm, v.v.

Khác với nhu cầu thông thường, khi sử dụng hàng hóa sức lao động, người mua hàng hóa sức lao động mong muốn thỏa mãn nhu cầu có được giá trị lớn hơn, giá trị tăng thêm.

Theo C.Mác, hàng hoá sức lao động là hàng hóa đặc biệt, *khác* với hàng hóa thông thường bởi vì:

*Thứ nhất*, người lao động chỉ bán quyền sử dụng, không bán quyền sở hữu; chỉ được bán có thời hạn, không bán vĩnh viễn.

*Thứ hai*, giá trị của hàng hóa sức lao động bao gồm yếu tố tinh thần và lịch sử.

*Thứ ba*, càng sử dụng thì người lao động càng tích lũy được kinh nghiệm, nâng cao tay nghề, năng suất lao động cao hơn.

*Thứ tư*, trong quá trình tiêu dùng, hàng hóa sức lao động có khả năng tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó, phần lớn đó là giá trị thặng dư. Ngược lại, các hàng hóa thông thường sau quá trình tiêu dùng, sử dụng, cả giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa sẽ biến mất theo thời gian.

Như vậy, hàng hóa sức lao động có thuộc tính là nguồn gốc sinh ra giá trị. Điều này là chìa khóa giải quyết những mâu thuẫn của xã hội tư bản. Tiền chi trở

thành tư bản khi sức lao động trở thành hàng hóa. Từ đó, C.Mác khẳng định nguồn gốc của giá trị thặng dư là do hao phí sức lao động mà có. Ngoài ra, con người là chủ thể của hàng hóa sức lao động, vì vậy các đặc điểm về tâm lý, kinh tế, xã hội của người lao động quyết định việc cung ứng sức lao động ra ngoài thị trường.

### **1.3. Thị trường sức lao động**

#### **1.3.1 Khái niệm**

Thị trường sức lao động (thị trường lao động) là sự trao đổi hàng hóa sức lao động giữa một bên là những người sở hữu sức lao động và một bên là những người cần thuê sức lao động đó. Sự trao đổi này được thoả thuận trên cơ sở mối quan hệ lao động như tiền lương, tiền công, điều kiện làm việc, v.v thông qua một hợp đồng làm việc bằng văn bản hay bằng miệng. Thị trường sức lao động là thị trường yếu tố sản xuất, là một bộ phận tất yếu không thể thiếu trong hệ thống đồng bộ các thị trường.

#### **1.3.2 Đặc điểm của thị trường sức lao động**

*Một là*, trong thị trường lao động, người lao động không thể tách rời khỏi người sử dụng lao động và ngược lại. Quan hệ lao động chỉ chấm dứt khi cả hai bên đã hoàn thành xong nghĩa vụ của mình đối với quan hệ đã thoả thuận với nhau trước đó.

*Hai là*, trong thị trường lao động, người sử dụng lao động là người giữ quyền kiểm soát số lượng và chất lượng sức lao động, do đó mối quan hệ lao động là mối quan hệ khá lâu dài.

*Ba là*, trong thị trường lao động, chất lượng lao động sẽ không được đồng nhất, vì chất lượng lao động phụ thuộc rất nhiều vào giới tính, tuổi tác, trình độ, thể lực, trí thông minh, v.v của mỗi người.

*Bốn là*, lao động vừa là đầu vào của quá trình sản xuất, vừa quy định số lượng và chất lượng sản phẩm hàng hóa và dịch vụ sản xuất ra. Cho nên, các chính sách, các quy định về tuyển dụng, tiền lương, bảo hiểm, v.v vừa ảnh



hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các đơn vị, vừa ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô như giá cả, việc làm.

*Năm là*, thị trường lao động luôn có giới hạn về vị trí địa lý theo cung về chuyên môn theo ngành nghề. Vì vậy phải nghiên cứu sự chuyển dịch và sự liên kết giữa các thị trường được phân đoạn theo dấu hiệu khác nhau giữa các vùng và ngành nghề.

*Sáu là*, thị trường lao động chịu sự tác động của hệ thống pháp luật về lao động, chính vì vậy mà chủ thể lao động và người sử dụng lao động trong quá trình thỏa thuận các điều kiện đều chịu ảnh hưởng của pháp luật.

### **1.3.3 Vai trò của thị trường sức lao động**

*Thứ nhất*, thị trường sức lao động là điều kiện cho phát triển kinh tế theo yêu cầu của nền sản xuất xã hội hóa.

*Thứ hai*, thị trường sức lao động là nơi khai thông các mối quan hệ mua bán sức lao động, gián tiếp ảnh hưởng đến quan hệ lao động trước và sau thị trường.

*Thứ ba*, thị trường sức lao động với những quy luật vốn có của nó sẽ mang lại hiệu quả cho nền kinh tế, đảm bảo cho quá trình tái sản xuất cá biệt lẫn tái sản xuất xã hội được diễn ra một cách nhịp nhàng.

Bên cạnh những vai trò tích cực như trên, thị trường sức lao động còn có một số vai trò tiêu cực như: tạo điều kiện cho việc bóc lột người lao động, tạo ra sự bất bình đẳng về cơ hội việc làm, thu nhập trong xã hội, lực lượng lao động di chuyển một cách không cần thiết gây mất cân đối cung – cầu sức lao động và gây lãng phí cho nền kinh tế.

## **CHƯƠNG 2: TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM**

Đại dịch Covid-19 hiện nay đang là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng nặng nề tới thị trường lao động trên toàn thế giới, bao gồm cả nước Việt Nam. Dịch bệnh Covid-19 xuất hiện tại Việt Nam từ tháng 1 năm 2020 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình lao động việc làm trong các ngành và tại tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cho đến năm 2021, dịch bệnh quay lại và Việt Nam vẫn tiếp tục phải chịu những tác động xấu tới thị trường lao động. Trong đó, ảnh hưởng rõ rệt nhất vào quý II năm 2020 khi tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều ca lây nhiễm trong cộng đồng xuất hiện và việc áp dụng các quy định về giãn cách xã hội được thực hiện triệt để trong tháng 4 năm 2020.

### **2.1. Tình hình lao động và việc làm trước dịch bệnh Covid-19**

Trước khi xảy ra đại dịch Covid-19, theo kết quả của Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2019 (công bố vào ngày 19/12/2019), nước ta có gần 88% dân số tham gia lực lượng lao động (có độ tuổi từ 25-59). Trong đó tỷ trọng dân số tham gia lực lượng lao động cao nhất là 14,3% (nhóm tuổi 25-29) và 14,2% ở nhóm tuổi 30-34 (giảm nhẹ). Tỷ trọng tham gia lực lượng lao động thấp dưới 10% thuộc về dân số ở nhóm tuổi 15-19, nhóm tuổi 20-24 và nhóm tuổi già (60 tuổi trở lên) (*Theo Tổng cục Thống kê - TCTK 2019a*). Số lượng trong lực lượng lao động đã tốt nghiệp THPT trở lên chiếm tỉ lệ là 39.1% (tăng 13,5 điểm phần trăm so với 10 năm trước (2009)); số lượng lực lượng lao động đã có bằng, chứng chỉ (từ sơ cấp trở lên) có tỉ lệ là 23,1%, trong đó, khu vực thành thị có số lượng cao cấp 2,5 lần so với khu vực nông thôn, tương ứng 39,3% và 13,6%. Trong khi đó, tỉ lệ lực lượng lao động đã qua đào tạo (có bằng, chứng chỉ) ở đồng bằng sông Hồng là cao nhất (31,8%), Đông Nam bộ (27,5%), và đồng bằng sông Cửu Long là thấp nhất (13,6%) (*Theo TCTK, 2019a, b*).

Theo kết quả, tỉ lệ thất nghiệp của dân số từ 15 tuổi trở lên ở mức thấp 2,05%. Ở khu vực nông thôn tỉ lệ thất nghiệp thấp hơn gần 2 lần so với khu vực

thành thị (1,64% và 2,93%). Đa số người thất nghiệp có độ tuổi từ 15-54 (chiếm 91,7% người thất nghiệp), trong đó, lao động có độ tuổi từ 15-24 có tỉ lệ thất nghiệp cao nhất chiếm 44,4% tổng số lao động thất nghiệp của cả nước (*Theo TCTK, 2019a*).

Qua những con số thống kê, ta thấy tỷ trọng việc làm theo ngành đã có sự dịch chuyển tích cực trong giai đoạn 2009 - 2019. Trong đó, tỉ trọng lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng giảm (53,9% vào năm 2009, 46,3% vào năm 2014 và 35,3% vào năm 2019), trái ngược với tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ lại có xu hướng tăng, nhất là số lao động ở khu vực dịch vụ cao hơn số lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản. Với xu hướng dịch chuyển như vậy thì tỉ lệ lao động làm việc tại khu vực dịch vụ và công nghiệp ở Việt Nam sẽ sớm đạt được ngưỡng 70% (*Theo TCTK 2019a*). Ngoài ra, tỉ trọng lao động làm công việc giản đơn đã giảm mạnh so với 10 năm trước đây, trong khi đó, các nhóm nghề sau lại thu hút được nhiều số lao động tham gia như “*dịch vụ cá nhân, bảo vệ và bán hàng*” (18,3%), “*thợ thủ công và các thợ khác có liên quan*” (14,5%) và “*thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị*” (13,2%) trong tổng số những lao động đang làm việc (*Theo TCTK, 2019a*).

Tính đến 1/4/2019, Việt Nam có 96.208.984 người (*Theo TCTK, 2019a*), trong đó có gần 88% dân số tham gia lực lượng lao động trong độ tuổi từ 25-59, nhưng chất lượng lao động vẫn còn tồn tại rất nhiều yếu điểm. Ngân hàng Thế giới khi tiến hành đánh giá thị trường lao động Việt Nam đã chỉ ra rằng chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam đang ở mức thấp trong bậc thang năng lực quốc tế, thiếu lao động có trình độ tay nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao. Nhất là hiện nay, lao động Việt Nam còn thiếu và yếu về ngoại ngữ cũng như các kỹ năng mềm để có thể thích ứng khi làm việc theo nhóm, tác phong làm việc thiếu chuyên nghiệp và trách nhiệm (trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp) đồng thời kỹ luật lao động kém. Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật chỉ có 11,39 triệu lao động (trong tổng số lực lượng lao động là 54,56 triệu người) qua đào

tạo có bằng/chứng chỉ (bao gồm các trình độ sơ cấp nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học), chiếm 20,92% tổng lực lượng lao động. Sau 10 năm, tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng mạnh nhưng vẫn còn 76,9% người tham gia lực lượng lao động chưa được đào tạo chuyên môn (*Theo TCTK, 2019b*).

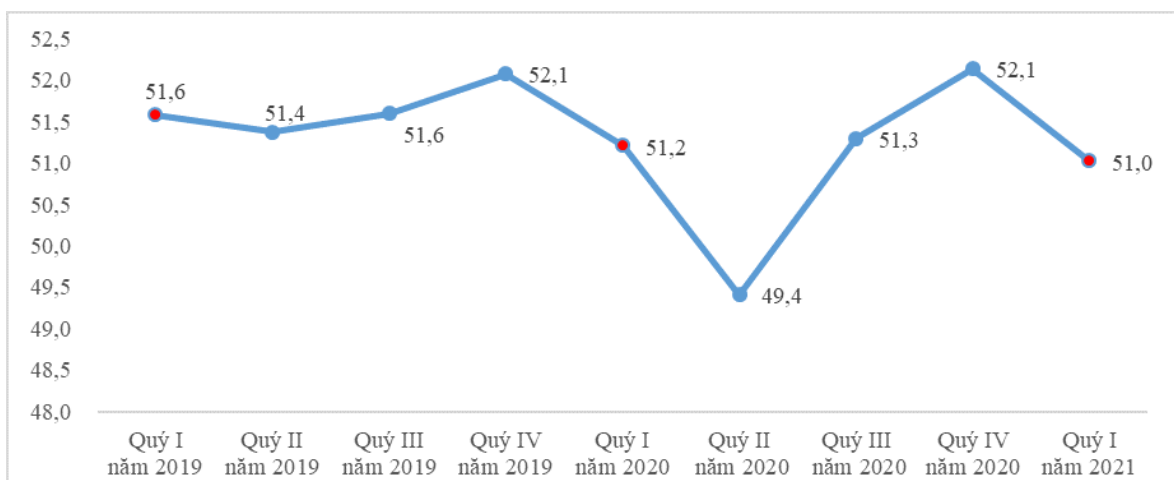
## **2.2. Ảnh hưởng, tác động của Covid-19 đến lao động và việc làm**

Đại dịch Covid-19 xuất hiện tại Việt Nam đã gây tác động nặng nề tới thị trường lao động. Tính đến tháng 9 năm 2020, cả nước có 31,8 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19, trong đó gồm người bị mất việc làm, người phải nghỉ giãn việc/nghỉ việc luân phiên, bị giảm giờ làm hay giảm thu nhập, v.v. Cụ thể, có tới 68,9% người lao động bị giảm thu nhập (ở mức nhẹ), số người bị giảm giờ làm/nghỉ giãn cách/nghỉ luân phiên chiếm tới 40% người tham gia lao động, và số người buộc phải tạm nghỉ hoặc tạm ngừng sản xuất kinh doanh chiếm tới 14% (*TCTK, 2020a*). Trong các khu vực kinh tế thì khu vực dịch vụ là chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch Covid-19 với 68,9% số lao động trong khu vực này bị ảnh hưởng. Ngoài ra trong các khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản cũng bị ảnh hưởng với 66,4% và 27% (*TCTK, 2020a*).

Năm 2021, cả nước vẫn còn 9,1 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19 trong đó nam giới chiếm 51,0% và số người trong độ tuổi từ 25 đến 54 chiếm gần hai phần ba. Trong tổng số 9,1 triệu người bị tác động tiêu cực bởi đại dịch Covid-19, có 540 nghìn người bị mất việc, 2,8 triệu người phải tạm nghỉ/tạm ngừng sản xuất kinh doanh; 3,1 triệu người cho biết họ bị cắt giảm giờ làm hoặc buộc phải nghỉ giãn việc, nghỉ luân phiên và 6,5 triệu lao động báo cáo họ bị giảm thu nhập. Do yêu cầu phòng dịch của nhiều địa phương, cơ hội tìm kiếm được việc làm trong khu vực chính thức gặp khó khăn nên người lao động buộc phải chấp nhận làm các công việc kém ổn định, thu nhập không cao (có 19,9% lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh và 19% lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã bị ảnh hưởng). Bên cạnh đó, lao động khu vực thành thị chịu tác động nhiều hơn khu vực nông thôn với 15,6%

lao động còn bị ảnh hưởng, trong khi đó con số này ở nông thôn là 10,4%. Lao động ở khu vực thành thị phải tiến hành các biện pháp phòng dịch tại các nhà máy, công xưởng. Một số ngành bị ảnh hưởng mạnh như nghệ thuật, vui chơi giải trí thu nhập của lao động bị giảm 5,2%, vận tải kho bãi thu nhập của lao động giảm 2,7%, dịch vụ lưu trú, ăn uống doanh thu giảm 3%, du lịch lữ hành doanh thu giảm 60,1%. Hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài cũng chịu ảnh hưởng, hiện có 40.000 lao động đã hoàn tất các thủ tục, nhưng chưa thể xuất cảnh.

Theo số liệu thống kê, lực lượng lao động quý I năm 2021 giảm so với quý trước và cùng kỳ năm trước. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý I năm 2021 là 51,0 triệu người, giảm 1,1 triệu người so với quý trước và giảm 180,9 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Thông thường, theo đà tăng dân số, lực lượng lao động năm sau luôn tăng so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, lực lượng lao động quý I năm 2021 xuống thấp hơn cùng kỳ năm trước gần 200 nghìn người và thấp hơn cùng kỳ khi chưa có dịch (năm 2019) khoảng 600 nghìn người.

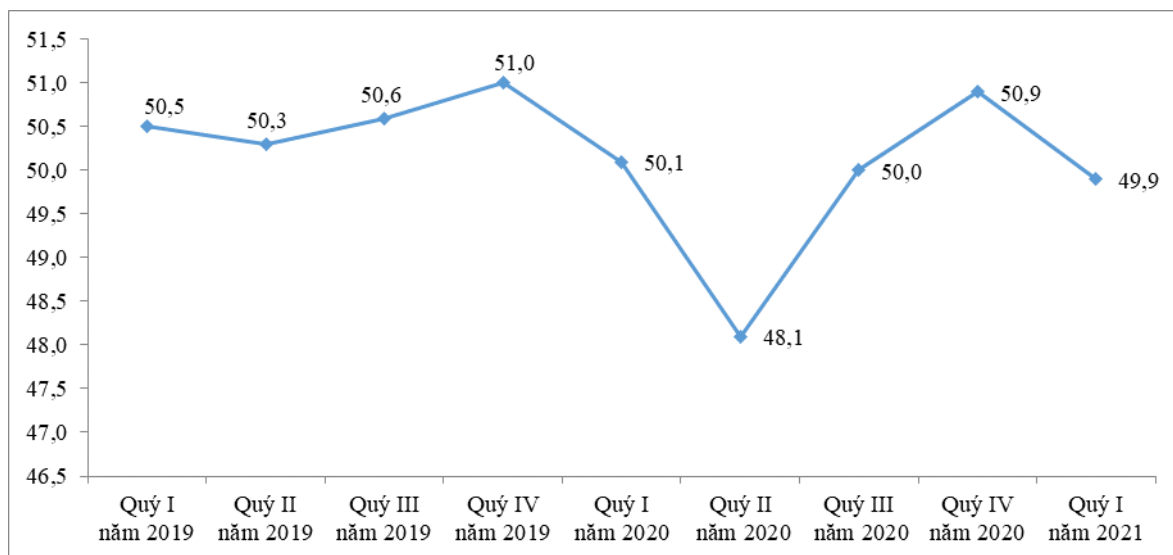


Hình 1. Lực lượng lao động các quý, giai đoạn 2019-2021 (Đơn vị: triệu người)

*Nguồn: Tổng cục Thống kê 2021*

Sự bùng phát lần thứ 3 của đại dịch Covid-19 làm suy giảm đà phục hồi của thị trường lao động đã đạt được trong 2 quý cuối năm 2020 đồng thời khiến nhiều người lao động, đặc biệt là phụ nữ trở thành lao động có việc làm phi

chính thức. Trong quý I năm 2021, số người từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 49,9 triệu người, giảm 959,6 nghìn người so với quý trước và giảm 177,8 nghìn người so với cùng kỳ năm trước, trong đó, giảm chủ yếu ở khu vực nông thôn và ở nam giới (tương ứng là giảm 491,5 nghìn người và 713,4 nghìn người so với cùng kỳ năm trước).



Hình 2. Số lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm các quý, giai đoạn 2019-2021  
(Đơn vị: triệu người)

*Nguồn: Tổng cục Thống kê 2021*

Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi quý I năm 2021 ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 3,88%, khu vực công nghiệp và xây dựng là 1,51%; khu vực dịch vụ là 1,76%. Mặc dù khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn có tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động cao nhất nhưng so với cùng kỳ năm trước, tỷ lệ thiếu việc làm trong khu vực này đã giảm đi 0,8 điểm phần trăm, trong khi đó tỷ lệ này ở khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 0,86 điểm phần trăm và khu vực dịch vụ tăng 0,31 điểm phần trăm. Rõ ràng, sự bùng phát của đại dịch Covid-19 đã làm tình trạng thiếu việc làm lan rộng sang cả khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

### **CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM SAU KHỦNG HOẢNG ĐẠI DỊCH COVID-19**

Đại dịch Covid-19 đã tác động nặng nề tới thị trường lao động Việt Nam, không ít người đã gặp rất nhiều khó khăn về chi tiêu cá nhân, chi phí sinh hoạt, v.v vì dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp. Với mong muốn Việt Nam ngày càng phát triển, đặc biệt về mặt kinh tế, em xin được đưa ra một vài giải pháp để phát triển thị trường lao động sau khủng hoảng Covid-19.

Cụ thể, với người lao động, nhà nước cần phải tổ chức hệ thống an sinh - xã hội toàn diện cho họ, cần phải hỗ trợ đào tạo lại lao động hướng tới trạng thái bình thường mới, giúp họ thích ứng với công việc mới. Có thể đào tạo online hay đào tạo trực tiếp để giúp lao động nắm bắt xu hướng công việc mới nhanh chóng, tiết kiệm. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng phải tìm ra những cơ hội mới, việc làm mới, thị trường mới cho lao động. Chuyển đổi việc làm thành công cũng là cách để giúp lao động tiếp cận với an sinh xã hội.

Với doanh nghiệp, Nhà nước phải cùng với các doanh nghiệp nghiên cứu và đánh giá lại các chuỗi hoạt động, từ đó giúp họ thoát khỏi khủng hoảng. Ví dụ trong lĩnh vực du lịch, khi thị trường quốc tế bị đứt gãy thì Nhà nước phải cùng với doanh nghiệp tìm giải pháp để kích cầu du lịch trong nước. Không phải chỉ cần giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp mà Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các bộ ban ngành phải cùng với doanh nghiệp xây dựng chiến lược mới, chuyển đổi sản xuất kinh doanh. Theo đó, lĩnh vực nào trụ được thì hỗ trợ, tìm giải pháp để phát triển, lĩnh vực nào không trụ được nữa thì giải tán hoặc chuyển đổi.

Bên cạnh đó, Nhà nước nên tiếp tục duy trì những chính sách tài khóa đã phát huy hiệu lực từ năm 2020 như giãn, hoãn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập, tiền thuê đất, chính sách nói lỏng về tín dụng của các ngân hàng, giảm các khoản đóng góp, cùng với các doanh nghiệp tạo ra các việc làm linh hoạt, tạo ra phúc lợi, các gói hỗ trợ, v.v. Đồng thời, duy trì các chính sách kinh tế vĩ mô trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

Các biện pháp có tính mục tiêu hướng đến phụ nữ, thanh niên và người lao động có tay nghề thấp và được trả lương thấp và các nhóm dân số khác bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch cũng có khả năng đẩy lùi khủng hoảng như: chính sách bình đẳng việc làm cho phụ nữ, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án hỗ trợ tạo việc làm, tham gia thị trường lao động cho các nhóm lao động đặc thù (người khuyết tật, lao động khu vực nông thôn, lao động phi chính thức, lao động nữ, học sinh, sinh viên mới tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng,...), tổ chức các buổi đào tạo, rèn luyện kỹ năng để nâng cao tay nghề, trình độ của người lao động, khuyến khích người lao động tự học, tự rèn luyện bản thân, v.v.

Nhà nước cũng có thể hỗ trợ quốc tế cho các nước có thu nhập thấp và trung bình, là các nước có nguồn tài chính hạn hẹp hơn để triển khai vắc xin và thúc đẩy phục hồi kinh tế và việc làm. Đồng thời cũng phải chú trọng hỗ trợ các lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất và tạo việc làm trong các lĩnh vực đang phát triển mạnh.

Một giải pháp tối ưu khác đó là đối thoại xã hội. Chúng ta cần phải hướng những hỗ trợ của Chính phủ tới những doanh nghiệp có thực hiện các biện pháp để giữ người lao động và bảo vệ sức khỏe của người lao động. Để làm được điều này, cần phải tổ chức đối thoại xã hội giữa doanh nghiệp và người lao động, giữa cả hai bên với cơ quan chức năng để tìm được hướng điều chỉnh từng bước đối với việc làm, số giờ làm việc và tiền lương, dựa trên cơ sở đồng thuận. ILO khuyến cáo, đối thoại xã hội có thể tạo nên niềm tin và sự tín nhiệm vào chính sách và các biện pháp mà Chính phủ và doanh nghiệp thực hiện nhằm giảm nguy cơ bất ổn xã hội. Cùng với đó là môi trường làm việc cho người lao động cũng phải được coi trọng nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn sức khỏe và nghề nghiệp nghiêm ngặt trước khi cho họ trở lại làm việc để hạn chế khả năng lây nhiễm dịch bệnh.

Hỗ trợ các địa phương tổ chức giao dịch việc làm tại các sàn giao dịch việc làm; các phiên giao dịch việc làm lưu động đảm bảo thông tin việc làm tới được



với mọi người dân, đặc biệt là đối tượng sinh viên, thanh niên, lao động nông thôn ở vùng sâu, vùng xa.

GSO cũng đề xuất một số giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho thị trường lao động trong bối cảnh đại dịch vẫn còn diễn biến khó lường. Trong đó, tích cực nghiên cứu triển khai ngay việc cấp hộ chiếu vaccine, xây dựng các tiêu chí cần thiết để mở cửa thị trường du lịch quốc tế. Điều này nhằm giúp ngành dịch vụ nói chung và ngành du lịch nói riêng không bỏ lỡ cơ hội để phục hồi và phát triển. Các ngành này phát triển sẽ thu hút lượng lớn lao động tham gia, góp phần tận dụng tốt hơn tiềm năng sẵn có của nguồn nhân lực.

## KẾT LUẬN

Như vậy, sức lao động là toàn bộ thể lực và trí lực tồn tại trong cơ thể con người, nó được vận dụng vào quá trình lao động sản xuất. Bản thân sức lao động là một loại hàng hóa đặc biệt, vì nó có thể tạo ra lượng giá trị mới lớn hơn giá trị ban đầu mà nó đã giữ nguyên chứ không bị mất đi. Sự khác biệt so với hàng hóa thông thường này đã đánh dấu cột mốc văn minh nhân loại. Từ đó, bắt đầu hình thành thị trường sức lao động, nơi mà cuộc trao đổi giữa người sử dụng sức lao động và người bán sức lao động diễn ra. Thị trường Việt Nam đang trong giai đoạn hình thành và phát triển, nhưng từ khoảng đầu năm 2020 cuộc đại dịch Covid-19 đã xảy ra và tác động nặng nề tới tình hình thị trường lao động Việt Nam. Đồng thời, việc phát triển thị trường sức lao động vẫn chưa đồng bộ, chưa có sự gắn kết giữa cung – cầu lao động. Việc xuất khẩu sức lao động, nhất là lao động đã qua đào tạo còn hạn chế, chủ yếu là lao động chân tay, hoạt động trong các ngành nghề giản đơn. Vì vậy, nước ta cần phải có những giải pháp hoàn thiện cơ chế chính sách đi đôi với nâng cao chất lượng nguồn lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người lao động nhằm phát huy hết tiềm năng nguồn lực lao động của nước ta với mục đích xây dựng một thị trường lao động sôi động, ổn định và có hiệu quả tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tài liệu tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), “Giáo trình Kinh tế Chính trị Mác-Lênin”, NXB Giáo dục.

### Tài liệu trực tuyến

2. 8910X.com (2021), “Hàng hóa sức lao động là gì, thuộc tính”,  
<https://8910x.com/hang-hoa-suc-lao-dong-la-gi-thuoc-tinh/?fbclid=IwAR3S6ZudSXgWGUHylTPUWmk9F0ADL7K0oCQ806gBbmpiJOr3lOqVzbHTZ2g>, truy cập ngày 7/6/2021.

3. Bùi Tư (2020), “Đề xuất 3 nhóm giải pháp cứu thị trường lao động”,  
<http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/xa-hoi/2020-09-09/de-xuat-3-nhom-giai-phap-cuu-thi-truong-lao-dong-92065.aspx>, truy cập ngày 13/6/2021.

4. Cổng thông tin điện tử thành phố Hải Phòng (2020), “Đề ra sáu nhiệm vụ và giải pháp để phát triển thị trường lao động đến năm 2030”,  
<https://haiphong.gov.vn/Chuyen-de/Cap-nhat-co-so-du-lieu-ve-thi-truong-lao-dong/De-ra-sau-nhiem-vu-va-giai-phap-de-phat-trien-thi-truong-lao-dong-den-nam-2030-54010.html>, truy cập ngày 13/6/2021.

5. Dũng Hiếu (2021), “Giảm khủng hoảng việc làm?”,  
<https://vneconomy.vn/giam-khung-hoang-viec-lam.htm>, truy cập ngày 13/6/2021.

6. Dũng Trần (1999), “Thị trường sức lao động trong nền kinh tế hàng hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”,  
<http://luanan.nlv.gov.vn/luanan?a=d&d=TTkGWOSxMaQK1999.1.1&e=-----vi-20--1--img-txIN----->, truy cập ngày 10/6/2021.

7. Dương Nguyễn (2021), “Thị trường lao động là gì? Bản chất, đặc trưng và ý nghĩa của thị trường lao động”, <https://luatduonggia.vn/thi-truong-lao-dong-la-gi-ban-chat-dac-trung-va-y-nghia-cua-thi-truong-lao-dong/>, truy cập ngày 10/6/2021.

8. Giang Nguyễn & Hương Nguyễn (2021), “Đại dịch Covid-19 tác động đến lao động việc làm ở Việt Nam quan phân tích số liệu thống kê”, [https://vass.gov.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/Dai-dich-Covid-19-tac-dong-den-lao-dong-viec-lam-o-Viet-Nam-126?fbclid=IwAR1zSp3GFpPzyKuEZeXX\\_DdGWc93U5W7ZMQNGZFRbmrID7U8msRoT0OTf4#\\_ftn1](https://vass.gov.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/Dai-dich-Covid-19-tac-dong-den-lao-dong-viec-lam-o-Viet-Nam-126?fbclid=IwAR1zSp3GFpPzyKuEZeXX_DdGWc93U5W7ZMQNGZFRbmrID7U8msRoT0OTf4#_ftn1), truy cập ngày 12/6/2021.
9. Hà Dung (2021), “Đợt dịch Covid-19 lần thứ ba làm tăng đáng kể lao động thiếu việc làm”, <https://nhandan.vn/tin-tuc-xa-hoi/dot-dich-covid-19-lan-thu-ba-lam-tang-dang-ke-lao-dong-thieu-viec-lam--642286/>, truy cập ngày 12/6/2021.
10. Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (2016), “thị trường lao động”, <http://domi.org.vn/tin-nguyen-cuu/thi-truong-lao-dong.2988.html>, truy cập ngày 13/6/2021.
11. Oanh Phạm (2021), “Thị trường lao động là gì?”, <https://luathoangphi.vn/thi-truong-lao-dong-la-gi/>, truy cập lúc 11/6/2021.
12. Tổ chức Lao động Quốc tế (2021), “ILO: Dự báo phục hồi không chắc chắn và không đồng đều sau khủng hoảng thị trường chưa từng có tiền lệ”, [https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/Pressreleases/WCMS\\_767248/lang--vi/index.htm](https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/Pressreleases/WCMS_767248/lang--vi/index.htm), truy cập ngày 13/6/2021.
13. Tổng cục Thống kê (2021), “Báo cáo tác động của dịch Covid-19 đến tình hình lao động, việc làm quý I năm 2021”, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/04/bao-cao-tac-dong-cua-dich-covid-19-den-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-i-nam-2021/>, truy cập ngày 12/6/2021.
14. Wikipedia (2021), “Sức lao động”, [https://vi.wikipedia.org/wiki/S%E1%BB%A9c\\_lao\\_%C4%91%E1%BB%99ng?fbclid=IwAR1L1Tcvdd1osyhphh4dyBlTmctBfuG3K2KIYjU1T5KXFVsbgzoz3FilgJAs](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%E1%BB%A9c_lao_%C4%91%E1%BB%99ng?fbclid=IwAR1L1Tcvdd1osyhphh4dyBlTmctBfuG3K2KIYjU1T5KXFVsbgzoz3FilgJAs), truy cập ngày 7/6/2021.